

Bản án số: 11/2023/HS-ST
Ngày 17 tháng 01 năm 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU – THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thanh Anh**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Huỳnh Thanh Trà**

Bà **Nguyễn Thị Cúc**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Lành**

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Thanh Bình** và bà **Lê Thị Kim Tâm** - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 122/2022/TLST-HS ngày 01 tháng 12 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 108/2022/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 12 năm 2022 đối với bị cáo:

Nguyễn Phạm Đức T (không có tên gọi khác), sinh ngày 30 tháng 11 năm 1997 tại thành phố Đà Nẵng. Nơi ĐKKHKT: Tổ 30 phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng. Nơi ở: K150 Nguyễn N, phường Thanh K, quận T, thành phố Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Thợ cắt tóc; Trình độ học vấn: 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H (SN: 1963) và bà Phạm thị C (sinh năm: 1963); gia đình có 3 anh em, bị cáo là con thứ 3; có vợ tên Phan Thị Mỹ T (sinh năm: 1997), có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2021, con nhỏ nhất sinh năm 2022;

Tiền án; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 07/10/2022 (hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng). Có mặt tại phiên tòa.

- Người chứng kiến:

1. Ông Nguyễn Quang T – Địa chỉ: Nhân viên An ninh. (Vắng mặt).

2. Ông Nguyễn Minh D – Địa chỉ: Nhân viên An ninh. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ

án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22h00' ngày 06/10/2022, Nguyễn Phạm Đức T đi dự sinh nhật và hát karaoke cùng T (chưa xác định được nhân thân, lai lịch) và nhóm bạn của T tại một quán karaoke (chưa xác định được tên, địa chỉ) nằm trên đường Nguyễn Tất Thành, thành phố Đà Nẵng. Tại đây, T cùng T và bạn của T có sử dụng ma túy (T không biết ma túy của ai). Khi ra về, T thấy còn dư ma túy trên bàn nên đã lấy 01 gói nilong chứa thuốc lắc nghiền nát và 01 gói nilong chứa bột màu trắng (T nghĩ là ma túy Ketamine) đem về nhà tại K150 Nguyễn N, quận T, thành phố Đà Nẵng. Sau đó, T đổ chất bột màu trắng vào 01 tờ tiền mệnh giá 2.000 đồng, cuộn lại, kẹp chung với gói nilong chứa thuốc lắc rồi dùng băng keo đen quấn quanh cả hai lại. Sau đó, bỏ vào túi áo khoác phía trước bên trái. Đến khoảng 09 giờ 40 phút ngày 07/10/2022, T mặc áo khoác và đi đến C hàng không quốc tế Đà Nẵng để làm thủ tục đi đến thành phố Cần Thơ. Trong lúc T đang làm thủ tục tại Nhà ga quốc nội thì bị lực lượng Công an quận Hải Châu phối hợp với Đội an ninh soi chiếu quốc nội thuộc Cảng hàng không quốc tế Đà Nẵng phát hiện, bắt quả tang. T thừa nhận số ma túy bị thu giữ là ma túy loại MDMA và Ketamine, là của T cất giấu với mục đích để sử dụng cho bản thân.

* Vật chứng thu giữ của Nguyễn Phạm Đức T gồm:

- 01 Gói nilong kích thước khoảng (3x2,5) cm, bên trong chứa tinh thể rắn màu xám và chất bột màu trắng được bỏ trong 01 gói nilong kích thước (7,5x4) cm (tất cả được niêm phong, ký hiệu A);

- 01 Đoạn băng keo màu đen;

- 01 ĐTDĐ có dòng chữ Nokia, màu xanh, số imei: 357780064170539, gắn sim số 0898607906;

- 01 ĐTDĐ hiệu Iphone, màu xám, số imei: 35437761940122, gắn sim số 0794222123;

- Tiền 1.502.000 đồng (gồm cả 01 tờ tiền mệnh giá 2.000 đồng dùng gói chất bột màu trắng đã nêu trên).

* Theo Kết luận giám định số 1455/KL-KTHS ngày 13/10/2022 của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng, kết luận:

- Chất bột màu xám, trong niêm phong ký hiệu A gửi giám định là ma túy, loại MDMA; khối lượng mẫu là 0,76 gam;

- Chất bột màu trắng, trong niêm phong ký hiệu A gửi giám định không tìm thấy chất ma túy, tiền chất dùng vào việc sản xuất trái phép chất ma túy; khối lượng mẫu là 0,79 gam.

Theo Kết quả xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể, Nguyễn Phạm Đức T dương tính với ma túy tổng hợp.

Nguyễn Phạm Đức T đã thành khẩn khai nhận hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, lời khai của T phù hợp với vật chứng thu giữ, lời khai người chứng kiến và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Toàn bộ vật chứng nêu trên được chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu bảo quản chờ xử lý.

Ngoài ra, Nguyễn Phạm Đức T còn khai nhận cất giấu 0,79 gam chất bột màu trắng để sử dụng là ma túy Ketamine. Do kết quả giám định không tìm thấy chất ma túy, tiền chất dùng vào việc sản xuất trái phép chất ma túy. Vì vậy, không đủ cơ sở để kết luận và xử lý đối với T về hành vi tàng trữ 0,79 gam ma túy Ketamine như T khai.

* Về xử lý vật chứng: Chuyển Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu thành phố Đà Nẵng chờ xử lý:

- 0,27gam chất bột màu trắng trong mẫu A; 0,71gam chat bột màu xám trong mẫu A và toàn bộ vỏ bao gói mẫu hoàn trả sau giám định, được niêm phong trong phong bì 1455/KL-KTHS theo Kết luận giám định số 1455/KLGD ngày 13/10/2022 của Phân viện KHHS tại TP. Đà Nẵng.

- 01 (một) đoạn băng keo màu đen;

- 01 (Một) điện thoại di động có dòng chữ Nokia, màu xanh, số Imei 357780064170539, gắn sim số 0898607906

- 01 (Một) điện thoại di động hiệu iPhone, màu xám, số Imei 35437761940122, gắn sim số 0794222123.

- Tiền VNĐ: 1.502.000đồng.

Với nội dung trên, tại bản Cáo trạng số 118/CT-VKSHC ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng truy tố Nguyễn Phạm Đức T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Nguyễn Phạm Đức T và đề nghị:

- Căn cứ: điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Phạm Đức T từ 01 (Một) năm tù đến 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Về vật chứng: Căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị:

- + Tịch thu, tiêu hủy:
 - 0,27gam chất bột màu trắng trong mẫu A; 0,71gam chất bột màu xám trong mẫu A và toàn bộ vỏ bao gói mẫu hoàn trả sau giám định, được niêm phong trong phong bì 1455/KL-KTHS theo Kết luận giám định số 1455/KLGD ngày 13/10/2022 của Phân viện KHHS tại TP. Đà Nẵng;
 - 01 (một) đoạn băng keo màu đen;
- + Trả lại cho bị cáo:
 - 01 (Một) điện thoại di động có dòng chữ Nokia, màu xanh, số Imei 357780064170539, gắn sim số 0898607906;
 - 01 (Một) điện thoại di động hiệu iPhone, màu xám, số Imei 35437761940122, gắn sim số 0794222123;
 - Tiền VNĐ: 1.502.000đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Phạm Đức T khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, thừa nhận Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng truy tố là đúng người, đúng tội, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận Hải Châu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, Kiểm sát viên trong quy trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Xét hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy: Bị cáo Nguyễn Phạm Đức T thừa nhận khoảng 09 giờ 40 phút ngày 07/10/2022, tại Cảng hàng không Quốc tế Đà Nẵng thuộc phường Hòa Thuận Tây, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Công an quận Hải Châu phối hợp với Đội an ninh soi chiếu quốc nội thuộc Cảng hàng không quốc tế Đà Nẵng phát hiện, bắt quả tang Nguyễn Phạm Đức T có hành vi tàng trữ trái phép 0,76gam ma túy loại MDMA nhằm mục đích tự sử dụng cho bản thân. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác mà cơ quan điều tra đã thu thập có trong hồ sơ vụ án cũng như quá trình tranh luận tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận hành vi của Nguyễn Phạm Đức T đã cấu thành

tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự như Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất vụ án, mức độ nguy hiểm, hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy rằng: Bị cáo Nguyễn Phạm Đức T nhận thức rõ việc tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vì muốn có ma túy để sử dụng nên vẫn thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp nghiêm trọng, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý chất ma túy của Nhà nước, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự và an toàn xã hội trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, xâm phạm đến sức khỏe và sự phát triển của dân tộc. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy cần xét xử mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo mới có tác dụng giáo dục và phòng ngừa tội phạm.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ: Qua điều tra và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự sẽ được Hội đồng xét xử áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi lượng hình.

[6] Về hình phạt chính: Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, căn cứ vào các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử thống nhất với Viện kiểm sát cần tiếp tục cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian dài mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[7] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo Nguyễn Phạm Đức T có việc làm nhưng không ổn định, thu nhập không ổn định, vợ không có việc làm, 02 con còn nhỏ, không có tài sản riêng nên không thỏa mãn các điều kiện để áp dụng cũng như thi hành hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 249 của Bộ luật hình sự, do đó không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, vật chứng được xử lý như sau:

- Đối với: 0,27gam chất bột màu trắng trong mẫu A; 0,71gam chat bột màu xám trong mẫu A và toàn bộ vỏ bao gói mẫu hoàn trả sau giám định, được niêm phong trong phong bì 1455/KL-KTHS theo Kết luận giám định số 1455/KLGD ngày 13/10/2022 của Phân viện KHHS tại TP. Đà Nẵng; 01 (một) đoạn băng keo màu đen: là vật cấm tàng trữ, vật không có giá trị sử dụng nên Hội đồng xét xử thấy cần tịch thu, tiêu hủy

- Đối với các tài sản: 01 (Một) điện thoại di động có dòng chữ Nokia, màu xanh, số Imei 357780064170539, gắn sim số 0898607906; 01 (Một) điện thoại di động hiệu iPhone, màu xám, số Imei 35437761940122, gắn sim số 0794222123; Tiền VNĐ: 1.502.000đồng; Hội đồng xét xử xét thấy đây là tài sản của bị cáo, không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo

Các vật chứng trên hiện Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng đang quản lý theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 7 tháng 12 năm 2022.

[9] Án phí hình sự sơ thẩm:

- Bị cáo phải chịu là 200.000đồng (Hai trăm ngàn đồng)

* Đối với người tên T có hành vi rủ bị cáo Nguyễn Phạm Đức T đi hát karaoke, hiện chưa xác định được họ tên, địa chỉ, nên Cơ quan CSĐT Công an quận Hải Châu tiếp tục điều tra, làm rõ xử lý sau. Hội đồng xét xử không đề cập.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: bị cáo Nguyễn Phạm Đức T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Phạm Đức T 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 07 tháng 10 năm 2022.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tuyên:

* Tịch thu tiêu hủy:

- 0,27gam chất bột màu trắng trong mẫu A; 0,71gam chất bột màu xám trong mẫu A và toàn bộ vỏ bao gói mẫu hoàn trả sau giám định, được niêm phong trong phong bì 1455/KL-KTHS theo Kết luận giám định số 1455/KLGĐ ngày 13/10/2022 của Phân viện KHHS tại TP. Đà Nẵng.

- 01 (một) đoạn băng keo màu đen;

* Trả lại cho bị cáo Nguyễn Phạm Đức T:

- 01 (Một) điện thoại di động có dòng chữ Nokia, màu xanh, số Imei 357780064170539, gắn sim số 0898607906

- 01 (Một) điện thoại di động hiệu iPhone, màu xám, số Imei 35437761940122, gắn sim số 0794222123.

- Tiền VNĐ: 1.502.000đồng (Một triệu năm trăm lẻ hai ngàn đồng).

Toàn bộ các vật chứng trên hiện Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu thành phố Đà Nẵng đang quản lý theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 07 tháng 12 năm 2022.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Nguyễn Phạm Đức T phải chịu án phí 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng).

4. Về quyền kháng cáo: bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND Q.Hải Châu;
- VKSND TP. Đà Nẵng;
- Công an Q. Hải Châu;
- Chi cục THA DS Q. Hải Châu;
- Lưu hồ sơ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thanh Anh